

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)

M.S.D.N. 181-230-10

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Bia rượu Viger - doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2106/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600103843 lần đầu ngày 29/12/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 24/03/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Lệ Châm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hội	Ủy viên
Ông Đỗ Đình Quý	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Đình Quý	Tổng Giám đốc
Bà Doãn Thúy Dung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Mùi	Trưởng ban
Ông Nguyễn Phú Cường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

1110
ÔNG
NHIỆM
G KIẾ
AA
IN KIẾ
C
CH
A K
A K

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Đình Quý

Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 08 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận của một số khoản phải thu tại ngày 31/12/2019 và ngày 31/12/2020 với số tiền lần lượt là 866,7 triệu đồng và 846,7 triệu đồng được trình bày tại chỉ tiêu "Các khoản phải thu ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi cũng không thu thập đủ bằng chứng để khẳng định tính đầy đủ và hợp lý của các khoản mục nêu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2020 và ngày 31/12/2020 trong Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

2. Chúng tôi chưa thu thập được cơ sở đánh giá của Ban giám đốc về tổn thất đối với các khoản nợ phải thu làm cơ sở trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, do đó chúng tôi không có đủ bằng chứng để khẳng định tính hợp lý và chính xác của chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2020 và ngày 31/12/2020 trong Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

3. Trong năm, Công ty cho Tổng công ty Mía Đường I-CTCP (Công ty mẹ) vay số tiền 12,1 tỷ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Điều này chưa phù hợp với quy định tại khoản 2, điều 26, Nghị định 71/2017/NĐ – CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

4. Trong năm, Công ty có giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ với Tổng Công ty Mía đường I -CTCP (Công ty mẹ) dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất nhưng chưa được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông. Điều này chưa phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 4, Nghị định 71/2017/NĐ – CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản 2, điều 7, Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết, theo đó Công ty phải hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom). Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Công ty chưa thực hiện việc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom)

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Đặng Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2018-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

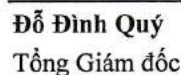
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		33.208.643.606	18.405.253.921
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.764.789.371	2.744.883.698
111	1. Tiền		3.764.789.371	2.744.883.698
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.571.925.300	12.565.428.338
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.359.734.145	2.849.975.813
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.017.900.000	8.140.527.900
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	12.124.698.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.827.548.822	2.211.880.292
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(757.955.667)	(636.955.667)
140	IV. Hàng tồn kho	10	10.247.922.089	2.964.006.394
141	1. Hàng tồn kho		10.247.922.089	2.964.006.394
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		624.006.846	130.935.491
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		474.589.145	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	149.417.701	130.935.491
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.681.661.120	20.756.548.386
220	II. Tài sản cố định		14.737.017.577	17.090.947.606
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	14.737.017.577	17.090.947.606
222	- Nguyên giá		122.569.691.091	122.354.691.091
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(107.832.673.514)	(105.263.743.485)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	-	-
228	- Nguyên giá		156.772.727	156.772.727
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(156.772.727)	(156.772.727)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	203.991.711	184.142.319
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		203.991.711	184.142.319
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	-	1.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	1.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		740.651.832	2.481.458.461
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	740.651.832	2.481.458.461
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		48.890.304.726	39.161.802.307

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16.355.844.498	7.616.597.049
310	I. Nợ ngắn hạn		16.355.844.498	7.616.597.049
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	6.339.006.598	2.587.208.135
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	1.114.035.792	15.520.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	551.032.502	9.633.000
314	4. Phải trả người lao động		2.132.398.417	1.848.024.620
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	118.333.129	31.542.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.560.316.967	2.701.877.838
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	3.172.627.937	56.493.600
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		368.093.156	366.297.856
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		32.534.460.228	31.545.205.258
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	32.534.460.228	31.545.205.258
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		24.028.500.000	24.028.500.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		24.028.500.000	24.028.500.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.120.752.994	5.027.537.694
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.385.207.234	2.489.167.564
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.302.736.964	1.557.014.576
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.082.470.270	932.152.988
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		48.890.304.726	39.161.802.307


Lê Thị Bùi Xuân
Người lập

Ngô Thị Tuyết
Kế toán trưởng


Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 08 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		33.208.643.606	18.405.253.921
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.764.789.371	2.744.883.698
111	1. Tiền		3.764.789.371	2.744.883.698
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.571.925.300	12.565.428.338
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.359.734.145	2.849.975.813
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.017.900.000	8.140.527.900
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	12.124.698.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.827.548.822	2.211.880.292
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(757.955.667)	(636.955.667)
140	IV. Hàng tồn kho	10	10.247.922.089	2.964.006.394
141	1. Hàng tồn kho		10.247.922.089	2.964.006.394
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		624.006.846	130.935.491
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		474.589.145	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	149.417.701	130.935.491
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.681.661.120	20.756.548.386
220	II. Tài sản cố định		14.737.017.577	17.090.947.606
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	14.737.017.577	17.090.947.606
222	- Nguyên giá		122.569.691.091	122.354.691.091
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(107.832.673.514)	(105.263.743.485)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	-	-
228	- Nguyên giá		156.772.727	156.772.727
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(156.772.727)	(156.772.727)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	203.991.711	184.142.319
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		203.991.711	184.142.319
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	-	1.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	1.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		740.651.832	2.481.458.461
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	740.651.832	2.481.458.461
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		48.890.304.726	39.161.802.307

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16.355.844.498	7.616.597.049
310	I. Nợ ngắn hạn		16.355.844.498	7.616.597.049
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	6.339.006.598	2.587.208.135
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	1.114.035.792	15.520.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	551.032.502	9.633.000
314	4. Phải trả người lao động		2.132.398.417	1.848.024.620
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	118.333.129	31.542.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.560.316.967	2.701.877.838
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	3.172.627.937	56.493.600
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		368.093.156	366.297.856
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		32.534.460.228	31.545.205.258
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	32.534.460.228	31.545.205.258
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		24.028.500.000	24.028.500.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		24.028.500.000	24.028.500.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.120.752.994	5.027.537.694
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.385.207.234	2.489.167.564
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.302.736.964	1.557.014.576
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.082.470.270	932.152.988
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		48.890.304.726	39.161.802.307


Lê Thị Bùi Xuân
Người lập

Ngô Thị Tuyết
Kế toán trưởng

Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc

Phủ Thọ, ngày 08 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	75.178.592.761	90.244.764.570
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.178.592.761	90.244.764.570
11	4. Giá vốn hàng bán	23	66.138.581.418	79.513.165.660
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.040.011.343	10.731.598.910
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	568.993.153	285.798.438
22	7. Chi phí tài chính	25	79.073.707	126.491.469
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		49.073.707	97.866.811
25	8. Chi phí bán hàng	26	3.633.051.782	3.993.878.678
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	5.049.550.184	5.990.654.145
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		847.328.823	906.373.056
31	11. Thu nhập khác	28	488.022.783	491.723.251
32	12. Chi phí khác	29	25.622.538	111.168.808
40	13. Lợi nhuận khác		462.400.245	380.554.443
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.309.729.068	1.286.927.499
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	227.258.798	354.774.511
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.082.470.270</u>	<u>932.152.988</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		450	388

Lê Thị Bùi Xuân
Người lậpNgô Thị Tuyết
Kế toán trưởngĐỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 08 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		113.091.708.510	119.651.614.363
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(58.967.214.147)	(67.519.753.068)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8.201.468.221)	(7.791.007.382)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(49.073.707)	(97.866.811)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(100.000.000)	(552.942.481)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		644.209.783	1.956.101.311
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(36.715.047.213)	(38.086.316.061)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.703.115.005	7.559.829.871
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(215.000.000)	(1.589.000.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(12.124.698.000)	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		350.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		249.583.131	285.798.438
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.740.114.869)	(1.303.201.562)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		9.458.581.499	3.856.493.600
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(6.342.447.162)	(8.350.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(59.228.800)	(730.095.090)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.056.905.537	(5.223.601.490)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Năm 2020**(Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.019.905.673	1.033.026.819
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.744.883.698	1.711.856.879
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>3.764.789.371</u>	<u>2.744.883.698</u>



Lê Thị Bùi Xuân
Người lập

Ngô Thị Tuyết
Kế toán trưởng

Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 08 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Bia rượu Viger - doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2106/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600103843 lần đầu ngày 29/12/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 24/03/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 24.028.500.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 24.028.500.000 đồng; tương đương 2.402.850 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 81 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 77 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bia;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, doanh số tiêu thụ sản phẩm bia rượu nước giải khát của Công ty sụt giảm đáng kể. Do đó, doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty giảm đột biến so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Bản quyền công nghệ	05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 06 năm 2020 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác. Công ty thuộc đối tượng giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

2.24 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất Sản xuất bia, rượu, nước giải khát và kinh doanh thương mại dịch vụ trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	3.169.065.560	1.448.981.606
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	595.723.811	1.295.902.092
	3.764.789.371	2.744.883.698

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Dịch vụ Sông Hồng (*)	-	-	1.000.000.000	-
	-	-	1.000.000.000	-

(*) Công ty chuyển nhượng toàn bộ 100.000 cổ phần tại Công ty cổ phần Đầu tư kinh doanh và dịch vụ Sông Hồng, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng, giá phí 10.000 đồng cho Công ty CP Nhôm Sông Hồng theo Nghị quyết số 04/NQ-VIBECO-HĐQT ngày 30/03/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát VIGER

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Chi nhánh Công ty CP bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy bánh kẹo Hải Châu)	1.159.112.606	-	150.000.000	
Công ty CP lò hơi Ngõ Châu Việt Nam	594.101.732	-	594.101.732	
Phải thu khách hàng khác	606.519.807	(269.350.860)	2.105.874.081	(269.350.860)
	2.359.734.145	(269.350.860)	2.849.975.813	(269.350.860)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	1.225.683.964	-	1.714.513.566	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương	2.000.000.000	-	-	-
TCT Mía đường I - CTCP			4.958.240.000	
Công ty thương mại Tư vấn và đầu tư - Tổng công ty mía đường I - CTCP			3.164.357.900	
Trả trước cho người bán khác	17.900.000	(17.900.000)	17.930.000	(17.900.000)
	<u>2.017.900.000</u>	<u>(17.900.000)</u>	<u>8.140.527.900</u>	<u>(17.900.000)</u>
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>8.122.597.900</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty cổ phần	12.124.698.000	-	-	-
	<u>12.124.698.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Trong đó: Phải thu về cho vay các bên liên quan				
	<u>12.124.698.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 21.09/HĐKT-2020/VIBECO-TCT ngày 21/09/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 4.958.240.000 VND;
- + Mục đích vay: Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
- + Thời hạn của hợp đồng: 6 tháng (tính từ ngày ký hợp đồng);
- + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.958.240.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(2) Hợp đồng tín dụng số 53/HĐKT-2020/VG-TCT ngày 07/07/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 3.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
- + Thời hạn của hợp đồng: 5 tháng (tính từ ngày ký hợp đồng);
- + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.000.000.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(3) Hợp đồng tín dụng số 18.09/HĐKT-2020/VG-TCT ngày 18/09/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 4.166.458.000 VND;
- + Mục đích vay: Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
- + Thời hạn của hợp đồng: 5 tháng (tính từ ngày ký hợp đồng);
- + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.166.458.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	319.410.022	-	-	-
Tạm ứng	1.095.679.110	(252.026.932)	1.596.786.932	(131.026.932)
Ký cược, ký quỹ	252.611.250	(190.827.875)	272.611.250	(190.827.875)
Công ty CP Nhôm Sông Hồng (*)	650.000.000	-	-	-
Công ty thương mại Tư vấn và đầu tư - TCTMDI - Công ty cổ phần	201.361.508	-	201.361.508	-
Phải thu khác	308.486.932	(27.850.000)	141.120.602	(27.850.000)
	2.827.548.822	(470.704.807)	2.211.880.292	(349.704.807)

(*) Phải thu Công ty CP Nhôm Sông Hồng do thanh lý khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư kinh doanh và dịch vụ Sông Hồng (Xem chi tiết tại thuyết minh số 04).

b) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan

	520.771.530	-	314.632.110	-
--	--------------------	----------	--------------------	----------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

9 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Tân Đại Việt	272.611.250	81.783.375	272.611.250	81.783.375
- Ông Nguyễn Hữu Bản	142.000.000	-	142.000.000	71.000.000
- Ông Ngô Văn Việt	100.000.000	-	100.000.000	50.000.000
- Công ty CP lò hơi Ngô Châu Việt Nam	594.101.732	594.101.732	594.101.732	594.101.732
- Các khoản khác	325.127.792	-	325.127.792	-
	1.433.840.774	675.885.107	1.433.840.774	796.885.107

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.538.716.860	-	1.690.943.286	-
Công cụ, dụng cụ	43.216.724	-	385.357.768	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.296.482.023	-	817.771.306	-
Thành phẩm	34.765.566	-	62.676.489	-
Hàng hoá	6.334.740.916	-	7.257.545	-
	10.247.922.089	-	2.964.006.394	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phân xưởng bia	203.991.711	184.142.319
	203.991.711	184.142.319

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	11.545.978.630		103.654.986.107		6.966.344.172		187.382.182		122.354.691.091
- Mua trong năm	-		215.000.000		-		-		215.000.000
Số dư cuối năm	11.545.978.630		103.869.986.107		6.966.344.172		187.382.182		122.569.691.091
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	7.818.545.598		90.782.102.269		6.515.489.387		147.606.231		105.263.743.485
- Khấu hao trong năm	367.946.173		1.955.891.954		221.072.270		24.019.632		2.568.930.029
Số dư cuối năm	8.186.491.771		92.737.994.223		6.736.561.657		171.625.863		107.832.673.514
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	3.727.433.032		12.872.883.838		450.854.785		39.775.951		17.090.947.606
Tại ngày cuối năm	3.359.486.859		11.131.991.884		229.782.515		15.756.319		14.737.017.577

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 14.737.017.577 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.377.854.749 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền công nghệ	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	97.272.727	59.500.000	156.772.727
Số dư cuối năm	97.272.727	59.500.000	156.772.727
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	97.272.727	59.500.000	156.772.727
Số dư cuối năm	97.272.727	59.500.000	156.772.727
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 156.772.727 đồng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	740.651.832	2.481.458.461
	740.651.832	2.481.458.461

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu)	6.204.856.987	6.204.856.987	-	-
Phải trả các đối tượng khác	134.149.611	134.149.611	2.587.208.135	2.587.208.135
	6.339.006.598	6.339.006.598	2.587.208.135	2.587.208.135
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	6.204.856.987	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu	1.098.515.792	-
Người mua trả tiền trước khác	15.520.000	15.520.000
	1.114.035.792	15.520.000
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	1.098.515.792	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	37.718.123	-	5.023.416.968	4.985.698.845	-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	22.247.676	-	28.389.599.821	27.877.933.749	-	489.418.396
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	70.969.692	-	227.258.798	100.000.000	-	56.289.106
Thuế Thu nhập cá nhân	-	9.633.000	68.203.845	72.511.845	-	5.325.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	877.924.112	1.027.341.813	149.417.701	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	130.935.491	9.633.000	34.589.403.544	34.066.486.252	149.417.701	551.032.502

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí ăn ca	46.950.000	31.542.000
- Chi phí phải trả khác	71.383.129	-
	118.333.129	31.542.000

18 . PHẢI TRẢ KHÁC NGÂN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	84.364.264	33.427.172
- Bảo hiểm xã hội	2.316.837	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.182.512.216	2.331.262.216
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	277.959.650	337.188.450
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.164.000	-
	2.560.316.967	2.701.877.838

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Miếu Phú Thọ ^①	56.493.600	56.493.600	9.458.581.499	6.342.447.162	3.172.627.937	3.172.627.937
	56.493.600	56.493.600	9.458.581.499	6.342.447.162	3.172.627.937	3.172.627.937

^① Hợp đồng tín dụng số 53/HĐKT-2020/VG-TCT ngày 07 tháng 07 năm 2020, với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức tín dụng: 7.000.000.000 VND;

+ Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và kinh doanh thương mại khác;

+ Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

+ Lãi suất cho vay: quy định theo từng giấy nhận nợ;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 56.493.6000 VND;

+ Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
		VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	24.028.500.000	4.200.911.068	2.315.347.197	30.544.758.265
Lãi trong năm trước	-	-	932.152.988	932.152.988
Phân phối lợi nhuận	-	-	(720.855.000)	(720.855.000)
Tăng khác	-	826.626.626	-	826.626.626
Giảm khác	-	-	(37.477.621)	(37.477.621)
Số dư cuối năm trước	24.028.500.000	5.027.537.694	2.489.167.564	31.545.205.258
Số dư đầu năm nay	24.028.500.000	5.027.537.694	2.489.167.564	31.545.205.258
Lãi trong năm nay	-	-	1.082.470.270	1.082.470.270
Phân phối lợi nhuận	-	93.215.300	(186.430.600)	(93.215.300)
Số dư cuối năm	24.028.500.000	5.120.752.994	3.385.207.234	32.534.460.228

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 36/NQ-VIBECO-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến năm 2019	100,0%	2.489.167.564
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3,74%	93.215.300
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,74%	93.215.300
Lợi nhuận chưa phân phối	92,52%	2.302.736.964

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Mía Đường I - CTCP	71,23%	17.115.000.000	71,23%	17.115.000.000
Các cổ đông khác	28,77%	6.913.500.000	28,77%	6.913.500.000
	100%	24.028.500.000	100%	24.028.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.028.500.000	24.028.500.000
- Vốn góp đầu năm	24.028.500.000	24.028.500.000
- Vốn góp cuối năm	24.028.500.000	24.028.500.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	337.188.450	346.428.540
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		720.855.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	720.855.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(59.228.800)	(730.095.090)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(730.095.090)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	277.959.650	337.188.450

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.402.850	2.402.850
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.402.850	2.402.850
- Cổ phiếu phổ thông	2.402.850	2.402.850
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.402.850	2.402.850
- Cổ phiếu phổ thông	2.402.850	2.402.850
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

f) Các quỹ công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.120.752.994	5.027.537.694
	5.120.752.994	5.027.537.694

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê mảnh đất tại vị trí "Đoạn nút từ A2 (điểm giao nhau giữa đường Nguyễn Tất Thành với đường Hùng Vương) đến nút A3(điểm giao nhau giữa đường Trần Nguyên Hãn và đường Hùng Vương)" với UBND tỉnh Phú Thọ với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích của mảnh đất là 16.871,4 m², thời gian thuê là 45 năm kể từ năm 2004. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Sản phẩm bia rượu	43.172.750.761	48.254.013.766
Nước tinh khiết, nước giải khát	2.562.834.277	2.295.630.041
Thương mại và dịch vụ khác	29.443.007.723	39.695.120.763
	75.178.592.761	90.244.764.570
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	28.407.170.103	19.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Sản phẩm bia rượu	34,588,540,759	39,557,158,754
Nước tinh khiết, nước giải khát	2,451,854,746	2,412,848,492
Thương mại và dịch vụ khác	29,098,185,913	37,543,158,414
	66,138,581,418	79,513,165,660

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	568,993,153	285,798,438
	568,993,153	285,798,438
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan	319,410,022	-
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)		

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	49,073,707	97,866,811
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	28,624,658
Chi phí tài chính khác	30,000,000	-
	79,073,707	126,491,469

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,454,242,939	2,387,431,078
Chi phí nhân công	400,997,946	500,112,286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79,730,712	79,729,585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	484,510,879	552,847,774
Chi phí khác bằng tiền	213,569,306	473,757,955
	3,633,051,782	3,993,878,678

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59,144,148	27,843,302
Chi phí nhân công	2,831,647,422	2,054,909,526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144,899,628	166,889,788
Thuế, phí, lệ phí	901,376,112	932,632,439
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	(302,330,700)	-
Chi phí dự phòng	121,000,000	165,026,932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	670,523,885	1,538,005,762
Chi phí khác bằng tiền	623,289,689	1,105,346,396
	5,049,550,184	5,990,654,145

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Điện và nước cho thuê	16.959.186	20.669.211
Tiền bán phê liệu	290.940.000	323.080.000
Thu nhập khác	180.123.597	147.974.040
	488.022.783	491.723.251

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	8.660.058	29.235.938
Thanh lý vật tư	-	61.263.657
Chi phí khác	16.962.480	20.669.213
	25.622.538	111.168.808

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.309.729.068	1.286.927.499
Các khoản điều chỉnh tăng	313.548.058	486.945.058
- Chi phí phụ cấp HĐQT, BKS không chuyên trách	183.888.000	272.790.000
- Tiền phạt vi phạm HC thuế	8.660.058	29.235.938
- Các chi phí loại trừ khác	121.000.000	184.919.120
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.623.277.126	1.773.872.557
Thuế suất thuế TNDN năm nay	20%	20%
Chi phí thuế TNDN chưa tính miễn giảm	324.655.425	
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo nghị quyết 116/2020/QH14	97.396.628	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	227.258.798	354.774.511
Điều chỉnh do sát nhập Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	-	16.531.754
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(70.969.692)	110.666.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(100.000.000)	(552.942.481)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	56.289.106	(70.969.692)

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.082.470.270	932.152.988
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.082.470.270	932.152.988
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.402.850	2.402.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	450	388

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.463.731.710	32.199.297.450
Chi phí nhân công	10.262.277.083	7.639.769.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.568.930.029	3.280.570.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.614.673.727	6.176.738.073
Chi phí khác bằng tiền	1.362.023.995	2.583.040.846
	46.271.636.544	51.879.416.380

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.764.789.371	-	2.744.883.698	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.187.282.967	(740.055.667)	5.061.856.105	(619.055.667)
Các khoản cho vay	12.124.698.000	-	-	-
	21.076.770.338	(740.055.667)	7.806.739.803	(619.055.667)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vay và nợ	3.172.627.937	56.493.600
Phải trả người bán, phải trả khác	8.899.323.565	5.289.085.973
Chi phí phải trả	118.333.129	31.542.000
	12.190.284.631	5.377.121.573

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.764.789.371	-	-	3.764.789.371
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.447.227.300	-	-	4.447.227.300
Các khoản cho vay	12.124.698.000	-	-	12.124.698.000
	<u>20.336.714.671</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>20.336.714.671</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.744.883.698	-	-	2.744.883.698
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.442.800.438	-	-	4.442.800.438
	<u>7.187.684.136</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.187.684.136</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	3.172.627.937	-	-	3.172.627.937
Phải trả người bán, phải trả khác	8.899.323.565	-	-	8.899.323.565
Chi phí phải trả	118.333.129	-	-	118.333.129
	<u>12.190.284.631</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12.190.284.631</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	56.493.600	-	-	56.493.600
Phải trả người bán, phải trả khác	5.289.085.973	-	-	5.289.085.973
Chi phí phải trả	31.542.000	-	-	31.542.000
	<u>5.377.121.573</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.377.121.573</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Mía đường I - CTCP

Công ty mẹ

Công ty thương mại tư vấn và đầu tư - Tổng

Chi nhánh của Công ty mẹ

Công ty mía đường I - CTCP

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương

Công ty con cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu

Công ty liên kết của Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giao dịch bán hàng hóa, dịch vụ	28.407.170.103	19.200.000.000
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	-	19.200.000.000
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	27.462.295.007	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	27.500.000	-
Chi nhánh Công ty CP bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy bánh kẹo Hải Châu)	917.375.096	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	17.531.109.008	39.075.826.488
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	1.193.337.008	20.436.695.607
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	4.958.240.000	1.142.095.238
Công ty thương mại tư vấn và đầu tư - Tổng Công ty mía đường I - CTCP	10.049.532.000	17.074.178.500
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	1.330.000.000	422.857.143
Lãi cho vay	319.410.022	-
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	319.410.022	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	1.225.683.964	1.714.513.566
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	66.571.358	1.396.571.358
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	-	166.458.000
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	-	1.484.208
Chi nhánh Công ty CP bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy bánh kẹo Hải Châu)	1.159.112.606	150.000.000
Ứng trước cho nhà cung cấp	2.000.000.000	8.122.597.900
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	-	4.958.240.000
Công ty thương mại tư vấn và đầu tư - Tổng Công ty mía đường I - CTCP	-	3.164.357.900
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	2.000.000.000	-
Phải thu về cho vay	12.124.698.000	-
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	12.124.698.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	520.771.530	314.632.110
Chi nhánh Công ty CP bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy bánh kẹo Hải Châu)	-	113.270.602
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	319.410.022	-
Công ty thương mại tư vấn và đầu tư - Tổng Công ty mía đường I - CTCP	201.361.508	201.361.508
Phải trả người bán	6.204.856.987	-
Chi nhánh Công ty CP bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy bánh kẹo Hải Châu)	6.204.856.987	-
Người mua trả tiền trước	1.098.515.792	-
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	1.098.515.792	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Tổng thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị trong năm như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Bà Trần Thị Lệ Châm	72.200.000	124.200.000
Ông Nguyễn Văn Hội	52.520.000	102.600.000
Ông Đỗ Đình Quý	402.184.736	482.679.029
Bà Doãn Thúy Dung	256.171.859	306.343.969
Ông Phan Xuân Thanh	223.407.818	218.669.908

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lê Thị Bùi Xuân
Người lập

Ngô Thị Tuyết
Kế toán trưởng



Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 08 tháng 03 năm 2021

